

TRUNG TÂM
THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 15 (08-12/4/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á 2024 lên 4,9%, lạm phát sẽ giảm từ mức 3,3% năm 2023 xuống 3,2% trong năm nay;

Mỹ: Lạm phát tăng tốc trở lại, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp vẫn giảm mạnh xuống dưới mức dự báo;

Trung Quốc: Tăng trưởng kinh tế 2024 dự báo giảm, lạm phát thấp hơn dự báo và xuất nhập khẩu tháng 3 cũng bất ngờ giảm;

Giá vàng thế giới cả tuần tăng 1%; Giá dầu thị trường quốc tế biến động khi xung đột Trung Đông căng thẳng;

FED có thể trì hoãn giảm lãi suất; ECB dự báo lạm phát 2024 sẽ là 2,4%.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

ADB dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024 đạt 6%;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo kết luận số 160/TB-VPCP ngày 11/4/2024 về quản lý thị trường vàng;

Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn qua hầu hết các phiên;

Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng;

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 94.349 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;

Thanh khoản các sàn đạt bình quân 21.391 tỷ đồng/phiên, khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 780 tỷ VND cổ phiếu trên TTCK tuần qua.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	3,85	0,13	7,83	-2,35
1 Tuần	3,98	-3,06	11,37	-11,26
2 Tuần	3,87	-3,74	11,95	-12,69
1 Tháng	3,69	0,3	10,68	-9,24
3 Tháng	3,97	-2,16	10,32	-12,07
6 Tháng	4,76	3,3	8,92	-7,62
9 Tháng	5,18	-18,76	31,43	-45,1

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
08/04/2024	28		10/8	3.200	2,9
09/04/2024	28		7/4	3.850	2,9
10/04/2024	28		5/5	4.000	2,9
11/04/2024	28		4/1	5.600	3,5
12/04/2024	7		2/2	9.999,99	4
	28		6/6	8.600	3,5

Ghi chú: Ngày áp dụng 11/04/2024

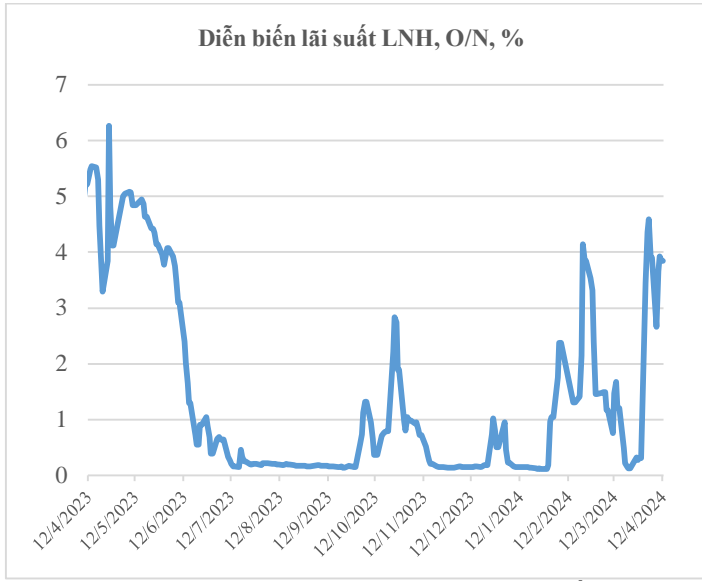
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 15 (08-12/04/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,60		0,91			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		66%		67%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	27.250		2.000			
3	7 Năm	3.000		-			
4	10 Năm	54.750		4.500			
5	15 Năm	48.750		3.500			
6	20 Năm	3.500		500			
7	30 Năm	6.250		-			
Tổng		143.500		10.500			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	40.766	1,3	2.500	1,53		
3	7 Năm	1.150	2-	-			
4	10 Năm	105.833	2,08	4.001	2,48		
5	15 Năm	68.359	2,28	3.025	2,65		
6	20 Năm	3.770	2,6	-			
7	30 Năm	10.015	2,8	-			
Tổng		229.893		9.526			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần trước	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	18.750	1,37	2.000	1,53	+0,03	+0,03
3	7 Năm	400	2,02	-			
4	10 Năm	38.423	2,15	2.500	2,48	+0,03	+0,33
5	15 Năm	33.391	2,35	2.525	2,68	+0,03	+0,33
6	20 Năm	1.170	2,65	-			
7	30 Năm	2.215	2,85	-			
Tổng		94.349		7.025			

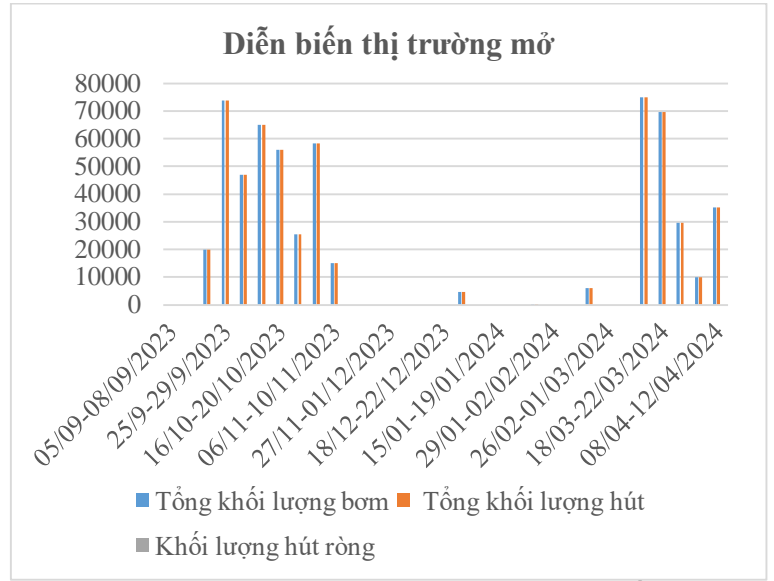
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

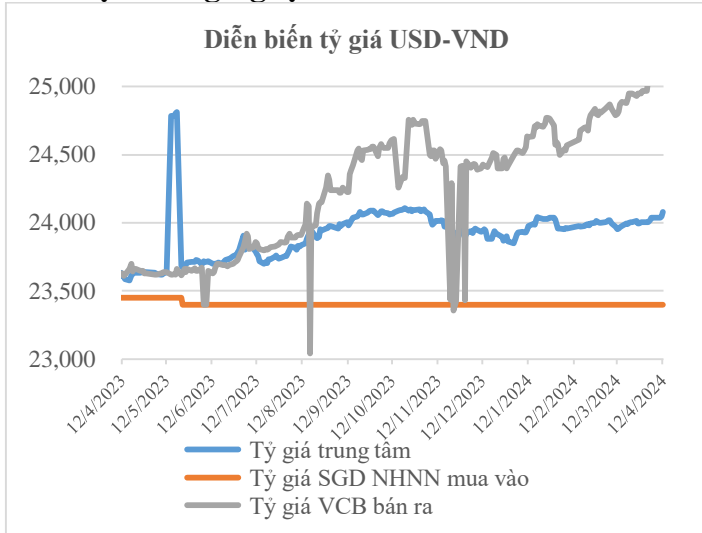


Nguồn: NHNN

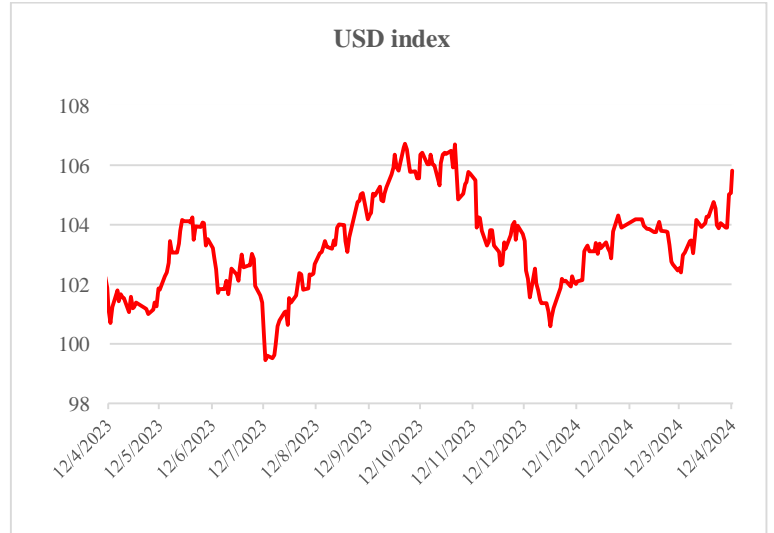


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

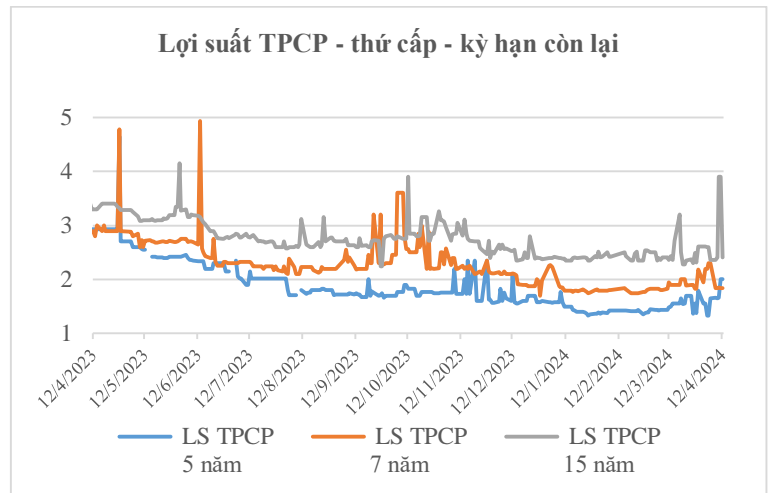


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 15 (08-12/4/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	01/05/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	06/06/2024
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00%	29/01/2016	26/04/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55%	22/08/2022	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	07/05/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	09/05/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25%	13/01/2023	23/05/2024
BI	Indonesia	6.00%	5.75%	19/10/2023	24/04/2024
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	09/05/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	12/06/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	15/04/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo W	+/_% theo M	+/_% YoY
EURUSD	1.06402	-1.80%	-2.79%	-3.66%
GBPUSD	1.24489	-1.48%	-2.71%	-0.57%
AUDUSD	0.64610	-1.78%	-2.40%	-4.72%
USDJPY	153.198	1.05%	3.69%	15.57%
USDCNY	7.26639	0.28%	1.02%	5.75%
USDCAD	1.37715	1.35%	2.25%	3.28%
USDRUB	93.4300	1.00%	2.28%	14.36%
USDKRW	1379.72	2.13%	5.02%	6.04%
DXY	106.012	1.64%	3.14%	4.95%
USDTHB	36.6200	0.14%	2.78%	7.83%
USDSGD	1.36105	0.92%	2.18%	2.95%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% W	+/_% M	+/_% YoY
United States	4.5175	0.14%	0.33%	1.07%
United Kingdom	4.1670	0.10%	0.14%	0.60%
Japan	0.8665	0.10%	0.11%	0.40%
Australia	4.2590	0.14%	0.18%	0.97%
Germany	2.3600	-0.04%	0.01%	-0.01%
China	2.2830	-0.01%	-0.06%	-0.55%
Singapore	3.3390	0.13%	0.32%	0.59%
South Korea	3.5410	0.11%	0.21%	0.27%
Taiwan	1.5650	0.07%	0.33%	0.33%
Thailand	2.7630	0.18%	0.26%	0.22%
Vietnam	2.8610	-0.02%	0.24%	-0.63%
Hong Kong	3.8825	0.06%	0.18%	0.91%
Indonesia	6.6430	-0.06%	0.00%	-0.04%
Malaysia	3.9150	0.04%	0.07%	0.02%
Philippines	6.8125	0.39%	0.59%	0.56%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1Y	+/_% 3Y
Dow Jones	-2.37%	-1.89%	+0.78%	+12.09%	+11.60%
S&P 500	-1.56%	+0.12%	+7.41%	+23.82%	+22.85%
Nasdaq	-0.45%	+1.26%	+7.75%	+33.42%	+15.22%
DAX	-1.49%	-0.18%	+6.88%	+13.26%	+17.36%
FTSE 100	+1.07%	+3.47%	+3.39%	+1.57%	+14.49%
CAC 40	-0.63%	-1.88%	+6.20%	+6.53%	+28.50%
Euro Stoxx 50	-1.21%	-0.64%	+9.57%	+12.83%	+24.06%
Nikkei 225	+1.47%	+2.22%	+18.24%	+38.86%	+33.48%
Shanghai	-1.62%	-1.15%	+1.50%	-9.55%	-11.17%
Hang Seng	-0.01%	0.00%	-1.91%	-18.19%	-41.92%
SET	+1.51%	+0.75%	-1.38%	-12.32%	-9.39%
KOSPI	-1.19%	+0.56%	+1.00%	+4.29%	-16.04%
IDX Com	0.00%	-0.53%	+0.22%	+6.90%	+19.90%
PSEi	-1.28%	-2.39%	+3.25%	+2.74%	+1.83%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Crude Oil USD/Bbl	85.660	-1.44%	8.02%	4.41%
Natural gas USD/MMBtu	1.7700	-0.84%	-0.78%	-11.81%
Gasoline USD/Gal	2.8029	0.51%	5.63%	-1.02%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2343.12	0.58%	7.76%	14.87%
Silver USD/t.oz	27.858	1.37%	11.25%	7.99%
Lithium CNY/T	111500	1.83%	-3.46%	-43.54%
Platinum SD/t.oz	989.70	6.73%	5.51%	-5.49%

3. Khoáng sản	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Copper USD/Lbs	4.2585	0.40%	5.07%	3.26%
Steel CNY/T	3440.00	2.44%	-3.56%	-12.62%
Iron Ore USD/T	106.05	6.08%	-5.12%	-11.57%
Aluminum USD/T	2481.00	1.24%	9.58%	4.82%
Tin USD/T	31689	10.63%	15.15%	31.92%
Zinc USD/T	2802.00	6.20%	8.77%	-1.23%
Nikel USD/T	17725	0.49%	-2.20%	-24.73%
Coal USD/T	132.50	2.63%	1.07%	-30.54%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 13/4/2024

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á 2024 lên 4,9%

Tăng trưởng của các nền đang phát triển ở châu Á trong năm nay dự báo sẽ cao hơn một chút so với dự báo đưa ra trước đó, do nhu cầu nội địa mạnh mẽ ở nhiều nền kinh tế.

ADB đã nâng dự báo tăng trưởng trong năm 2024 của khu vực châu Á đang phát triển lên 4,9%, từ mức dự báo 4,8% đưa ra vào tháng 12/2023. Tuy nhiên, ADB cảnh báo về những thách thức kéo dài như căng thẳng địa chính trị gia tăng, trong đó có xung đột ở Trung Đông, có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gây ra lạm phát.

Mức dự báo tăng trưởng năm 2024 của ADB đưa ra thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng 5% của khu vực vào năm 2023. Tăng trưởng cho năm 2025 cũng được dự báo ở mức 4,9%.

Mỹ: Lạm phát tăng tốc trở lại

Lạm phát (CPI) toàn phần lại tăng tốc tháng thứ 2 liên tiếp lên 3,5% trong tháng 3/2024, cao nhất kể từ tháng 9/2023.

(tháng 3/tháng 2/dự báo)

YoY: +3,5%/3,2%/3,4%

MoM: +0,4%/0,4%/0,3%

CPI lõi (loại trừ giá năng lượng và lương thực) tăng 0,4%, tương đương tháng trước nhưng cao hơn so với dự báo (0,3%).

Lạm phát giá sản xuất (PPI) cũng tăng

YoY: +2,1%/1,6%/; MoM: +0,2%/0,6%/0,3%

(PPI lõi: +0,1% mom và 2,4% yoy so với dự báo 2,3%).

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp vẫn giảm mạnh xuống dưới mức dự báo

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần đầu tháng 4/2024 giảm 11 nghìn đơn xuống còn 211 nghìn – mức thấp nhất trong vòng 1 tháng và thấp hơn mức dự báo 215 nghìn.

Tâm lý người tiêu dùng kém đi khi chỉ số khảo sát tâm lý tiêu dùng của Đại học Michigan tháng 4/2024 giảm còn 77,9 điểm từ 79,4 điểm trong tháng trước đó. Người tiêu dùng lo ngại về lạm phát và cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sắp tới.

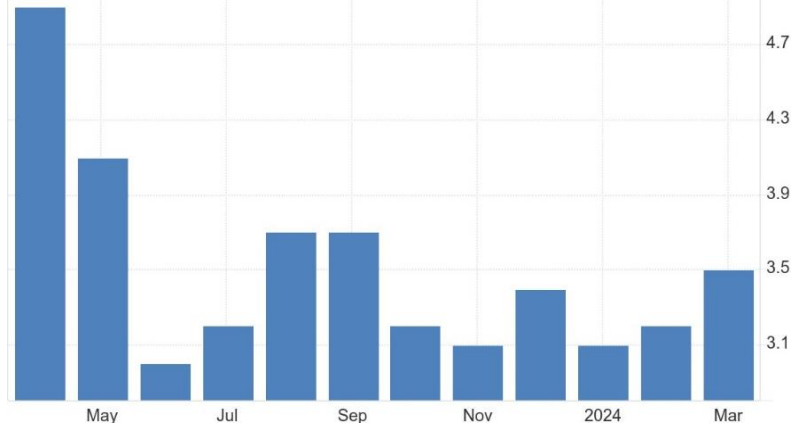
Tăng trưởng Đông Nam Á vẫn lành mạnh

Growth remains healthy in 2024 and 2025.				
	2022	2023e	2024f	2025f
Southeast Asia	5.7	4.1	4.6	4.7
Brunei Darussalam	-1.6	1.4	3.7	2.8
Cambodia	5.2	5.0	5.8	6.0
Indonesia	5.3	5.0	5.0	5.0
Lao People's Democratic Republic	2.5	3.7	4.0	4.0
Malaysia	8.7	3.7	4.5	4.6
Myanmar	2.4	0.8	1.2	2.2
Philippines	7.6	5.6	6.0	6.2
Singapore	3.8	1.1	2.4	2.6
Thailand	2.5	1.9	2.6	3.0
Timor-Leste	4.0	1.9	3.4	4.1
Viet Nam	8.0	5.0	6.0	6.2

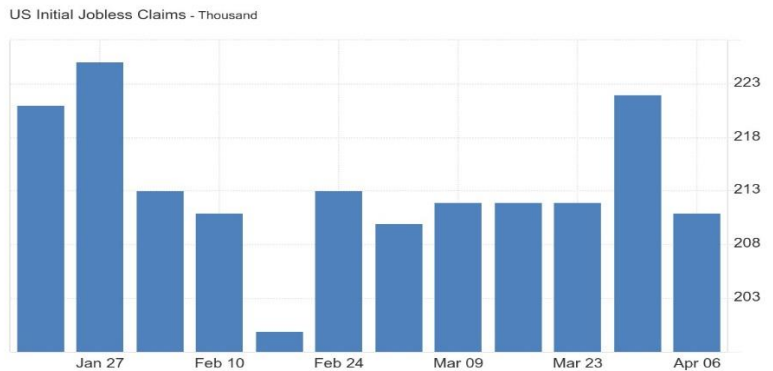
Lạm phát khu vực châu Á được dự báo cũng sẽ giảm từ mức 3,3% năm 2023 xuống 3,2% trong năm nay, giảm thêm xuống 3% vào năm 2025.

Nguồn: ADB

Lạm phát lại có xu thế tăng



Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lại giảm mạnh



Source: tradingeconomics.com | U.S. Department of Labor

Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Trung Quốc: Lạm phát thấp hơn dự báo

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2024 lại tăng thấp hơn dự báo với mức tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước, trong khi tháng trước tăng 0,7% và dự báo 0,4%.

Chỉ số giá sản xuất (PPI) cũng giảm 2,8% yoy, khớp dự báo và giảm mạnh hơn so với tháng 2 (-2,7%). Trong 3 tháng đầu năm, PPI giảm 2,7%.

Lạm phát giai đoạn 1986-2024 tăng trung bình 4,7%.

Tăng trưởng kinh tế 2024 dự báo giảm

Fitch dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ giảm xuống còn 4,5% vào năm 2024, do sự yếu kém dai dẳng của lĩnh vực bất động sản và tiêu dùng hộ gia đình suy giảm.

Xuất nhập khẩu tháng 3 bất ngờ giảm

Nhập khẩu: -1,9% trong khi 2 tháng 1+2/2024 tăng 3,5% và dự báo tăng 1,2%. Đây cũng là tháng giảm đầu tiên kể từ tháng 11/2023.

Xuất khẩu giảm mạnh hơn dự báo, giảm tới 7,5% yoy, đảo ngược xu thế khi tăng 5,6% trong tháng trước và dự báo chỉ giảm 3%. Xuất khẩu sang ASEAN vẫn tăng 4,1% (sang Việt Nam tăng mạnh 18,5%).

Thặng dư thương mại thấp hơn dự báo, chỉ đạt 58,55 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước đạt 78,43 tỷ USD vì xuất khẩu giảm nhiều hơn nhập khẩu (-,5% so với 1,9%).

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới cả tuần tăng 1%

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay giảm 1,5% còn gần khoảng 2.337 USD/oz, trong phiên đã có lúc đạt mức cao kỷ lục 2.419,79 USD/oz.

Kể từ đầu tuần, giá vàng tăng khoảng 1%.

Hợp đồng vàng tương lai tăng nhẹ 0,1% lên khoảng 2.374 USD/oz.

Giá vàng có lúc tăng lên mức cao mọi thời đại khi căng thẳng leo thang ở Trung Đông khiến giới đầu tư tìm đến tài sản trú ẩn an toàn này.

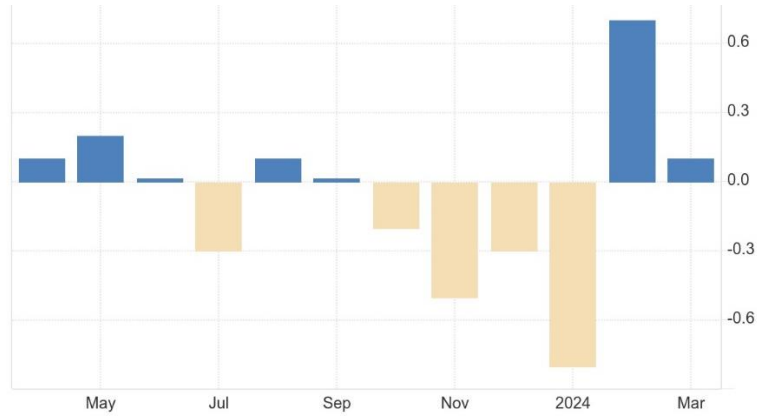
Goldman Sachs đã nâng dự báo giá vàng cuối năm từ 2.300 USD/oz lên 2.700 USD/oz.

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

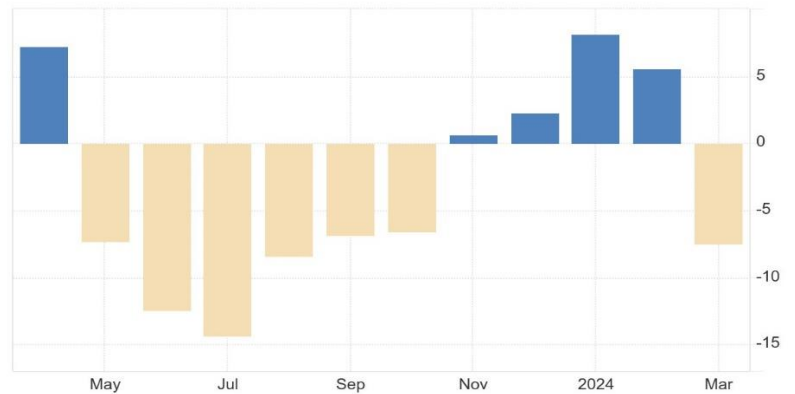
FED: Fed có thể trì hoãn giảm lãi suất

Lạm phát lại giảm tốc



Xuất khẩu bất ngờ giảm

CN Exports YoY - percent



Source: tradingeconomics.com | General Administration of Customs

Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá dầu thị trường quốc tế biến động bởi sự leo thang căng thẳng lớn nhất ở Trung Đông

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu WTI tăng 64 cent (khoảng 0,75%) lên 85,66 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent tăng 71 cent (khoảng 0,79%) lên 90,45 USD/thùng.

Trong phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu WTI có lúc đạt mức cao nhất trong phiên là 87,67 USD/thùng, còn hợp đồng dầu Brent tăng lên mức 92,18 USD/thùng.

Giá dầu có lúc tăng vọt do có báo cáo rằng có thể có một cuộc tấn công trực tiếp của Iran vào Israel vào cuối tuần này, một sự leo thang căng thẳng lớn nhất ở Trung Đông kể từ khi bắt đầu cuộc chiến Israel-Hamas vào tháng 10/2023.

Nguồn: OPEC/Kitco

Sau khi báo cáo việc làm được công bố, Chủ tịch Fed chi nhánh Dallas, bà Lorie Logan nói “còn rất sớm” để nghĩ

Báo cáo việc làm công bố cuối tuần, số lượng việc làm mới vượt xa kỳ vọng, đã tăng khả năng Fed trì hoãn cắt giảm lãi suất và thậm chí kéo dài thời gian giữa các đợt cắt giảm.

ECB: Lạm phát 2024 sẽ là 2,4%

ECB thực hiện khảo sát các nhà dự báo kinh tế từ 18-21/3/2024 về lạm phát 2024 và 2025 với 61 câu trả lời được thực hiện, kết quả thu về gần tương tự với dự báo mới nhất hồi tháng 3/2024. Cụ thể:

Kỳ vọng lạm phát loại trừ năng lượng, thực phẩm, rượu và thuốc lá sẽ giảm xuống 2,1% vào năm 2025 và 2% vào năm 2026, giảm so với mức 2,6% của năm nay.

Kỳ vọng về tăng giá tiêu dùng trong năm 2026 và dài hạn không thay đổi ở mức 2%.

đến cắt giảm lãi suất. Còn Thống đốc Fed Michelle Bowman nói tiến trình giảm lạm phát “đã chững lại gần đây”.

Nguồn: Bloomberg

Một số kết quả khác:

- Tăng trưởng kinh tế năm 2024 dự báo giảm từ 0,6% xuống 0,5% và nâng dự báo cho năm 2025 từ 1,3% lên 1,4%.
- Kỳ vọng lạm phát khu vực Eurozone gồm 20 quốc gia sẽ giảm xuống 2,4% trong năm nay và sẽ đạt 2% vào năm 2025 - không thay đổi so với vòng khảo sát trước đó.
- Tỷ lệ thất nghiệp dự kiến là 6.6% trong năm nay - giảm nhẹ so với mức 6.7% được ghi nhận trong cuộc khảo sát trước đó.

Nguồn: ECB/Reuters

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

ADB dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024 đạt 6%

Trong báo cáo mới nhất (ADO 2024), Ngân hàng phát triển châu Á giữ nguyên dự báo trước đó về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay bất chấp những bất ổn kéo dài từ môi trường bên ngoài. Kinh tế Việt Nam được kỳ vọng đạt mức tăng trưởng 6% trong năm nay và 6,2% trong năm 2025. Trong các biện pháp chính sách đưa ra trong năm 2024, Việt Nam cần kết hợp các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng ngắn hạn để đẩy mạnh nhu cầu trong nước với các giải pháp cải thiện cơ cấu trong dài hạn nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững", Giám đốc quốc gia ADB tại Việt Nam.

Tuy nhiên, những bất ổn địa chính trị toàn cầu và các hạn chế mang tính cơ cấu kinh tế trong nước có thể ảnh hưởng đến triển vọng này. Do đó, theo ADB, để thúc đẩy tăng trưởng, Việt Nam cần có các biện pháp mạnh mẽ hơn để giải quyết những yếu kém về cơ cấu trong nước, phụ thuộc nhiều vào ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI, mối liên kết lỏng lẻo giữa các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu và phần còn lại của nền kinh tế...

Đầu tư sẽ là động lực chính cho tăng trưởng, song cần hiện thực hóa kế hoạch đề đầu tư này phát huy sức mạnh. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, mức tăng 1% trong giải ngân vốn đầu tư công tương ứng với mức tăng 0,058% GDP, 1 đồng vốn đầu tư công được giải ngân sẽ kích thích 1,61 đồng vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước.

Nguồn: ADB

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo kết luận số 160/TB-VPCP ngày 11/4/2024 về quản lý thị trường vàng

Theo đó, NHNN sẽ triển khai ngay 5 nhóm giải pháp.

Thứ nhất, đối với thị trường vàng miếng, thực hiện tăng cung để xử lý tình trạng chênh lệch cao của giá trong nước so với giá thế giới.

Thứ hai, đối với thị trường vàng trang sức, mỹ nghệ, tiếp tục tạo điều kiện tối đa nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu cho các hoạt động sản xuất để xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ.

Thứ ba, phối hợp với các bộ, ngành, các cơ quan chức năng liên quan để yêu cầu doanh nghiệp triển khai sử dụng hóa đơn điện tử trong các giao dịch mua, bán vàng nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý.

Thứ tư, thực hiện ngay công tác nắm tình hình, thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu vàng qua biên giới, trục lợi, đầu cơ, thao túng giá vàng.

Thứ năm, phối hợp với các bộ, ngành để thành lập đoàn thanh tra liên ngành và sẽ triển khai ngay trong tháng 4 này.

Nguồn: NHNN

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 15 (08/04-12/04/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn qua hầu hết các phiên.
- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 25.250 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất tăng từ 2,9%/năm lên 3,5% vào phiên cuối tuần.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 8-12/4, lãi suất VND liên ngân hàng biến động tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 12/04, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,26% (+1,68 điểm phần trăm); 1 tuần 4,26% (+1,36 điểm phần trăm); 2 tuần 4,36% (+1,13 điểm phần trăm); 1 tháng 4,42% (+0,67 điểm phần trăm).
- Trên thị trường mở tuần từ 8-12/4, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 30.000 tỷ VND, lãi suất ở mức 4,0%. Có 9.999,99 tỷ đồng trúng thầu và 8.465,53 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 15 (08/04-12/04/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.
- Chỉ số USD Index dao động quanh mốc 105 điểm.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 8-12/4, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh theo xu hướng tăng. Chốt ngày 12/04, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.082 VND/USD, tăng mạnh 36 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.
- Sở Giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua USD ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay cuối tuần được niêm yết ở mức 25.236 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.
- Tỷ giá VND-USD liên ngân hàng trong tuần từ 8-12/4 tăng giảm đan xen qua các phiên. Kết thúc phiên 12/04, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa tại 25.020 VND/USD, tăng tiếp 60 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP& TP CBLCP:

Tuần 15 (08/04-12/04/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **7.025/10.500** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ là gần 67%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 5 năm - lãi suất 1,53 % (tăng 0,03 điểm); 10 năm - lãi suất 2,48 % (tăng 0,03 điểm %); 15 năm - lãi suất 2,68 % (tăng 0,03 điểm %)

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 94.349 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường thứ cấp TPCP&TP CBLCP: Tuần 15 (08/04-12/04/2024)

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 7.871 tỷ đồng/phiên, giảm 19.72% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

Kỳ hạn	Biến động	Lãi suất	Đơn vị
5 năm	tăng	0.3502	điểm%
7 năm	giảm	0.4598	điểm%
10 năm	tăng	0.3912	điểm%
15 năm	tăng	0.05	điểm%

Tuần qua NĐT NN mua ròng 594.42 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)
Tuần 15 (08/04-12/04/2024)	594.42
Tháng 3-2024	-466.035
Q1 - 2024	-911.04
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 1.200 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 100%).

Lũy kế từ đầu năm đến 12/04/2024 là 16.510 tỷ VND (có 22 đợt thông báo phát hành).

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số tăng so với tuần trước, thanh khoản các sàn đạt bình quân **21.391** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1.276,60 điểm (+21,49 điểm; +1,71%) và *HNX-Index* đóng cửa ở 241,34 điểm (+1,66 điểm; +0,69%) so với phiên cuối tuần trước.

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 23.095 tỷ VND (Khối lượng 45.699).

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 263.797 tỷ VND (KL đạt 781.388).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 12/04/2024 là 65,1%, tăng 5,25 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 780 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 14.003 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 12/04/2024: 6,780 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 10,419,5 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	Chính phủ, bộ ngành			
TTCP	Quyết định số 299/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Đất đai được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm	10/4/2024	10/4/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
CP	Nghị quyết 46/NQ-CP của Chính phủ về Báo cáo bổ sung tình hình thực hiện Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023	10/4/2024	10/4/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html
BTC	Quyết định 820/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch giám sát hoạt động đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp năm 2024	11/4/2024	11/4/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=2

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	Chính phủ, bộ ngành			
BTC	Bộ Tài chính báo cáo, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý với dự thảo Nghị định quy định việc sắp xếp, xử lý lại tài sản công (thay thế Nghị định số 167/2017/NĐ-CP)	12/4/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpppl
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2019 quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	11/4/2024		
BTC	Dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập	10/4/2024		